TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2026/HS-ST
Ngày 21/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần.

Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Bùi

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền– Thư ký TAND khu vực 2- Bắc Ninh.

Đại diện VKSND khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức H – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 260/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2026/HSST-QĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992; Giới tính: nam.

Tên gọi khác: không. CCCD số: 024092006807

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố H3 (nay là tổ dân phố H), phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1960.

Họ và tên mẹ: Tạ Thị N, sinh năm 1966.

Anh, chị em ruột: gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ, con: không có.

Tiền án:

- Tại Bản án số 12/2013/HSST ngày 08/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2014.

- Tại Bản án số 47/2015/HSST ngày 14/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy

định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2017.

- Tại Bản án số 01/2019/HSST ngày 05/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2021.

- Tại Bản án số 59/2022/HSST ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2025.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 67/2009/HSST ngày 30/9/2009, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2011.

- Tại Bản án số 26/2012/HSST ngày 02/5/2012, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; đã chấp hành xong phần Dân sự, chấp hành xong hình phạt tù tháng 12/2012.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B. **(Có mặt).**

1. Bị hại

- Anh Hứa Viết B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn

- Chị Lương Thị T1, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn T, xã Y, tỉnh Lạng Sơn

- Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn L, xã C, tỉnh Lạng Sơn

- Anh Phùng Văn T2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn L, xã C, tỉnh Lạng Sơn

- Hoàng La T3, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên

- Anh Hà Minh Q1, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi thường trú: K, phường T, tỉnh Lạng Sơn

- Anh Liễu Văn H1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Cao T4, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh là đối tượng có nhiều tiền án về các tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản", nghiện ma túy H2 và ma túy tổng hợp. Do không có công việc và thu nhập, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại các nhà trọ ở khu vực tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/01/2026 đến ngày 02/4/2026, T đã một mình thực hiện tổng số 06 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 27/01/2026, T mang theo 01 thanh sắt (lấy từ chiếc tô vít dài khoảng 20cm) đi bộ từ nhà đến khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị N1 thuộc tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh tìm tài sản trộm cắp. Tại đây, T lén lút trèo qua cổng vào bên trong rồi đi xuống khu vực tầng 1 của nhà trọ. Khi đi đến phòng trọ số 107 của anh Hứa Viết B, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, T thấy cửa phòng khóa ngoài, T đã dùng thanh sắt bẻ được khóa cửa. T đi vào bên trong phòng trọ trộm cắp của anh B 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude 7470, CORE i5, RAM 8GB, dung lượng 256GB màu đen. Sau đó, T cầm chiếc laptop vừa trộm cắp được trèo ra ngoài theo lối cũ rồi đi bộ về nhà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T bán chiếc máy tính trên cho người thu mua phế liệu rong đi qua cửa nhà được số tiền 200.000 đồng. Số tiền này T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 03/4/2026, anh Hứa Viết B có đơn trình báo Cơ quan công an về việc bị trộm cắp chiếc máy tính xách tay nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả anh Hứa Viết B và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp chiếc máy tính xách tay tại trên giường phòng trọ số 107.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N kết luận: Tại thời điểm ngày 27/01/2026: 01 chiếc laptop Dell Latitude 7470, CORE i5, RAM 8GB, dung lượng 256GB, màu đen, đã qua sử dụng có giá 3.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, anh B yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng. Đến nay, T chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Vụ thứ hai: Khoảng hơn 01 giờ ngày 30/3/2026, T mang theo 01 thanh sắt đi bộ từ nhà đến khu vực nhà trọ của ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1958, thuộc tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh. T đã trèo tường đi vào sân nhà trọ và đi lên tầng 4. Khi đến phòng 405 của chị Lương Thị T1, sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã V, tỉnh Lạng Sơn, T thấy cửa khóa bên ngoài biết trong phòng không có người, T dùng thanh sắt mang đi từ ở nhà bẻ được khóa cửa. T đi vào bên trong phòng trọ tìm kiếm thấy có 01 con lợn đất màu xanh để trên giá giầy dép. T dùng một con dao ở sẵn trong phòng đập vỡ con lợn đất bên trong có các tờ tiền mệnh giá khác nhau, T kiểm đếm

được tổng số tiền là 3.500.000 đồng. T lấy toàn bộ số tiền này, rồi tiếp tục đi tìm tài sản trộm cắp.

Ngày 03/4/2026, chị Lương Thị T1 có đơn trình báo đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh về việc bị trộm cắp 3.500.000 đồng tiền tiết kiệm trong lợn đất.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả chị Lương Thị T1 và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp tiền trong lợn đất ở trên giá để giầy dép phòng trọ số 405.

Về trách nhiệm dân sự, chị Lương Thị T1 yêu cầu bồi thường số tiền bị trộm cắp là 3.500.000 đồng. Đến nay, T chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Vụ thứ ba: Sau khi trộm cắp tiền tại phòng trọ của chị T1, khoảng hơn 2 giờ cùng ngày T tiếp tục đi về phía cuối dãy nhà trọ tầng 4 để tìm tài sản trộm cắp. Tại phòng 407 của anh Phùng Văn Q, sinh năm 1983 và anh Phùng Văn T2, sinh năm 1990, cùng trú tại thôn L, xã C, tỉnh Lạng Sơn, thấy cửa không khóa, T lén lút đi vào bên trong. Tại đây, thấy anh Q và anh T2 đang ngủ trong phòng. T trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 10, 64GB màu xanh da trời là tài sản của anh T2, đang sạc gần cửa; rồi trộm cắp 800.000 đồng (gồm 03 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng) để trong 01 chiếc ví để ở đầu giường ngủ là tài sản của anh Q. Sau đó, T trèo tường ra theo lối cũ đi bộ về nhà. Sáng cùng ngày T bán chiếc điện thoại Redmi 10 vừa trộm cắp được cho người thu mua phế liệu rong được số tiền 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 03/4/2026, anh Phùng Văn Q và anh Phùng Văn T2 có đơn trình báo đến Công an phường N, trình báo sự việc 30/3/2026 tại phòng trọ anh Thiết bị trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 10; anh Q bị trộm cắp số tiền 800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả anh Phùng Văn Q, anh Phùng Văn T2 và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp điện thoại di động cạnh cửa ra vào và vị trí ví tiền để trên giường ngủ phòng trọ số 407.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N kết luận: Tại thời điểm ngày 30/3/2026: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi 10, màu xanh, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng có giá 800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, anh Phùng Văn Q yêu cầu T bồi thường số tiền bị trộm cắp là 800.000 đồng; anh Phùng Văn T2 yêu cầu T bồi thường số tiền bị trộm cắp là 800.000 đồng tương ứng với giá trị chiếc máy điện thoại di động bị trộm cắp theo kết luận định giá tài sản. Đến nay, T chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Vụ thứ tư: Khoảng 03 giờ ngày 31/3/2026, T đi bộ một mình từ nhà đến khu phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Bá Đ thuộc tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, T trèo qua cổng sắt vào sân nhà trọ để tìm tài sản trộm cắp. Sau đó, T đi đến phòng trọ số 02 của anh Hoàng La T3, sinh năm 2007, trú tại thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên thấy cửa không khóa. Tại đây, T3 đi vào bên trong nhìn thấy anh Hoàng La T3 đang ngủ trong phòng. T3 trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple iphone 8 Plus của anh Hoàng La T3 đang để trên đầu giường ngủ. Sau

đó, T3 trèo cổng theo lối cũ rồi đi bộ về nhà. Đến sáng cùng ngày, T3 bán chiếc điện thoại trên cho người thu mua phế liệu rong được số tiền 200.000 đồng. Số tiền trên T3 sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 03/4/2026, anh Hoàng La T3 có đơn trình báo đến Công an phường N về việc bị trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Apple iphone 8 Plus.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả anh Hoàng La T3 và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp điện thoại di động trên giường ngủ phòng trọ số 02.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N kết luận: Tại thời điểm ngày 31/3/2026: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu xám, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng có giá 1.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, anh Hoàng La T3 yêu cầu T3 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. Đến nay, T3 chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ ngày 02/4/2026, T3 đi bộ một mình từ nhà đến khu vực nhà trọ của bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1964, trú tại tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh để tìm tài sản trộm cắp. Tại đây, T3 trèo qua cổng sắt đi lên tầng 2. Khi đến phòng số 15, T3 quan sát thấy cửa phòng không khóa. T3 đi vào trong phòng nhìn thấy anh Hà Minh Q1, sinh năm 1999, trú tại K, phường T, tỉnh Lạng Sơn đang ngủ trên giường. T3 trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36 màu hồng của anh Hà Minh Q1 đang để cuối giường ngủ. Sau đó T3 trèo cổng qua lối cũ rồi đi bộ ra ngoài tiếp tục tìm tài sản trộm cắp.

Ngày 03/4/2026, anh Hà Minh Q1 có đơn trình báo đến Công an phường N về việc bị trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y36 màu hồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả anh Hà Minh Q1 và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp điện thoại di động trên giường ngủ phòng trọ số 15.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N kết luận: Tại thời điểm ngày 02/4/2026: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y36, màu hồng, đã qua sử dụng có trị giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Sau khi trộm cắp tài sản của anh Q1, trên đường về nhà T quan sát thấy tại khu nhà trọ của anh Nguyễn Đức N2, sinh năm 1985 ở tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh có phòng trên tầng 2 đang hé cửa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T trèo qua cổng sắt lên tầng 2. Khi đến phòng số 09 của anh Liễu Văn H1, sinh năm 2001, ở thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, T nhìn vào trong thấy anh H1 đang ngủ say nên đã lén lút vào phòng trộm cắp của anh H1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu đen để tại đầu giường rồi trèo qua cổng đi về nhà.

Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T một mình đi taxi đến cửa hàng điện thoại "Thắng M" của anh Nguyễn Cao T4, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố Q, phường B, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, T bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh T4 với giá

200.000 đồng (mỗi chiếc điện thoại giá là 100.000 đồng). Số tiền này, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/4/2026, anh Liễu Văn H1 có đơn trình báo đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh về việc bị trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vụ án, kết quả anh Liễu Văn H1 và Nguyễn Văn T cùng xác định vị trí trộm cắp điện thoại di động trên giường ngủ phòng trọ số 09.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N kết luận: Tại thời điểm ngày 02/4/2026: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng có giá 3.500.000 đồng.

Cùng ngày 03/4/2026, Nguyễn Văn T đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân.

Cơ quan điều tra tiến hành rà soát thu giữ hình ảnh camera tại nhà trọ của anh Nguyễn Đức N2 có hình ảnh đêm ngày 02/4/2026, T đột nhập vào phòng trọ của anh N2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Văn T xem lại hình ảnh Camera, T đã xác nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân.

Cơ quan điều tra tiến hành cho T xác định vị trí cửa hàng đã bán 02 chiếc điện thoại di động trộm cắp. Anh Nguyễn Cao T4 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36, màu hồng – là hai chiếc điện thoại anh T4 mua của Nguyễn Văn T.

Với nội dung trên Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKS-KV2 ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm b,g khoản 2 Điều 173 các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn T từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2026.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo phải bồi thường cho anh Hứa Viết B số tiền 3.500.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho chị Lương Thị T1 số tiền 3.500.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Phùng Văn Q số tiền 800.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Phùng Văn T2 số tiền 800.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng La T3 số tiền 1.200.000 đồng.

- Bị hại anh Hà Minh Q1 và anh Liễu Văn H1 không yêu cầu bồi thường dân sự; người liên quan là anh Nguyễn Cao T4 không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đã xử lý không đặt ra xem xét.

Đề nghị tuyên về án phí Tuyên quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên toà.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]: Tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa đã hoàn toàn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với hành vi phạm tội; lời khai của bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Văn T là đối tượng có 04 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", nghiện ma túy H2 và ma túy tổng hợp, không có công việc và thu nhập gì. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/01/2026 đến ngày 02/4/2026, T đã một mình thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trong phòng trọ tại khu vực Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 27/01/2026, tại phòng trọ số 107 nhà trọ của bà Nguyễn Thị N1, T đã trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude 7470, CORE i5, RAM 8GB, dung lượng 256GB trị giá 3.500.000 đồng của anh Hứa Viết B.

Vụ thứ hai: Khoảng hơn 01 giờ ngày 30/03/2026, tại phòng trọ số 405 nhà trọ của ông Nguyễn Văn B1, T đã trộm cắp số tiền 3.500.000 đồng trong lợn đất của chị Lương Thị T1.

Vụ thứ ba: Khoảng hơn 2 giờ ngày 30/3/2026, tại phòng trọ số 407 nhà trọ của anh Phùng Văn Q, T đã trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 10, 64GB màu xanh trị giá 800.000 đồng của anh Phùng Văn T2 và số tiền 800.000 đồng của anh Phùng Văn Q.

Vụ thứ tư: Khoảng 03 giờ ngày 31/03/2026, tại phòng trọ số 02 nhà trọ của ông Nguyễn Bá Đ, T đã trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu xám, dung lượng 128GB trị giá 1.200.000 đồng của anh Hoàng La T3.

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ ngày 02/04/2026, tại phòng trọ số 15 nhà trọ của bà Nguyễn Thị Đ1, T3 đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36 màu hồng trị giá 1.000.000 đồng của anh Hà Minh Q1. Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc điện thoại di động trên và trả lại cho anh Q1.

Vụ thứ sáu: Khoảng 2 giờ ngày 02/04/2026, tại phòng trọ số 09 nhà trọ của anh Nguyễn Đức N2, T3 đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen trị giá 3.500.000 đồng của anh Liễu Văn H1. Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc điện thoại di động trên và trả lại cho anh H1.

Tổng giá trị tài sản của 06 lần trộm cắp là 14.300.000 đồng. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và có tính chất chuyên nghiệp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi " Trộm cắp tài sản" là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý, điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật do vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản khác nhau, trị giá mỗi vụ đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Từ những nhận định trên đây, thấy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và biết tuân thủ pháp luật. Xét

thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần được chấp nhận. Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[6]. Đối với chiếc máy tính nhãn hiệu Dell 7470, core i5, Ram 8GB, dung lượng 256, màu đen; chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi 10, 64GB, màu xanh da trời; chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 128GB, màu xám T khai bán cho một người phụ nữ thu mua phế liệu khoảng 45 tuổi; dáng người gầy, cao khoảng 1,55m. T trình bày không biết tên tuổi, địa chỉ là gì, ở đâu. Cơ quan điều tra đã cho bị can T chỉ vị trí bán là tại khu vực đầu ngõ gần nhà T thuộc tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xác định, tại vị trí trên không có người phụ nữ nào có đặc điểm như T khai mua bán phế liệu. Đồng thời qua rà soát tại khu vực này không có camera. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, xử lý đối với người này.

[7]. Đối với việc T dương tính (MET và AMP): Tiến hành xác minh với Công an phường N xác định: T không thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Do vậy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T không cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi này của T đã vi phạm điểm a, khoản 1, Điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Công an phường N đề nghị xử phạt theo quy định.

[8]. Đối với người đàn ông lạ mặt khoảng 40 tuổi, người gầy, đeo khẩu trang tuấn khai đã bán ma túy cho T: T khai nhận mới gặp lần đầu, không biết tên tuổi, địa chỉ là gì, ở đâu. Cơ quan điều tra đã cho T chỉ vị trí mua ma túy về sử dụng, xác định là khu vực đầu ngõ gần nhà T thuộc tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xác định, tại vị trí trên không có người đàn ông nào có đặc điểm như T khai bán Ma túy. Đồng thời, tại khu vực này, qua rà soát không có camera an ninh. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, xử lý đối với người này.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Hứa Viết B, chị Lương Thị T1, anh Phùng Văn Q, anh Phùng Văn T2, anh Hoàng La T3 quá trình điều tra yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả lại số tiền mà T đã chiếm đoạt. Đến nay, T chưa trả được cho các bị hại trên khoản tiền nào, do vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường trả cho các bị hại trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị hại anh Hà Minh Q1 và anh Liễu Văn H1 không yêu cầu bồi thường dân sự; người liên quan là anh Nguyễn Cao T4 không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

[10]. Về vật chứng của vụ án: Không đặt ra xem xét.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173 các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2026.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Bị cáo phải bồi thường cho anh Hứa Viết B số tiền 3.500.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho chị Lương Thị T1 số tiền 3.500.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Phùng Văn Q số tiền 800.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Phùng Văn T2 số tiền 800.000 đồng.
- Bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng La T3 số tiền 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Đã xử lý vật chứng không đặt ra xem xét

5. Về án phí; Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Khoản 1 Điều 23, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 490.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND KV2- Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT,CQTHAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV2- Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần